

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tuấn Thịnh;

2. Bà Trần Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh T V T, sinh năm 1992

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P T 2, xã P N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị H T P, sinh năm 1996

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P T 2, xã P N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh T V T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H T P tự nguyện Đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã P N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai vào ngày 28/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn P T 2, xã P N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai, tình cảm vợ chồng chỉ thật sự hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không thống nhất được với nhau trong làm ăn, tạo dựng cuộc sống và nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi, xúc phạm, thiếu sự tôn trọng đến nhau và cả hai bên gia đình. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được gia đình và anh em khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân với nhau từ tháng

02/2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không đem lại hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu không thể khắc phục được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết Ly hôn với chị H T P.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu T M V sinh ngày 11/10/2017 và cháu T Y N sinh ngày 28/02/2020, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay vợ chồng anh đang sống ly thân với nhau cháu T M V do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu T Y N đang do chị H T P trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện anh có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu V và cháu N nhưng nay anh chỉ có nguyện vọng khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T M V để chị H T P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T Y N cho đến khi cháu V và cháu N đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị P đều làm nghề lao động tự do thu nhập bình quân một tháng của anh và của chị P mỗi người được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng anh tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H T P cũng thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn và về con chung của anh chị như nội dung anh T trình bày (thể hiện trong biên bản lấy lời khai của chị BL 35), vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như anh T trình bày là hoàn toàn đúng, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân với nhau cháu T M V do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu T Y N đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyện vọng của chị khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T Y N, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T M V cho đến khi cháu Nhi và cháu Vũ đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Cả chị và anh T đều làm nghề lao động tự do thu nhập của chị và của anh T đều đảm bảo trực tiếp mỗi người nuôi dạy được một con khi ly hôn mà không cần bên kia phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng chị tự thoả thuận với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H T P có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và xin xét xử vắng mặt nên Toà án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho chị P; không hoà giải được vụ án.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- + Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định của pháp luật;
- + Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp về hôn nhân gia đình;
- + Về xác định người tham gia tố tụng; thu thập tài liệu, chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng; lấy lời khai của bị đơn và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định;
- + Thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- + Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký phiên toà, của người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân xử cho anh T V T được ly hôn chị H T P. Về con chung xử giao cháu T M V sinh ngày 11/10/2017 cho anh T V T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu T Y N sinh ngày 28/02/2020 cho chị H T P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về án phí: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự đúng quy định pháp luật.
- Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị P, chị P có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn P T 2, xã P N, HUYỆN B do vậy đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị H T P có đơn xin không tiến hành hoà giải và xin xét xử vắng mặt do vậy Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P N, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai vào ngày 28/02/2017, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ thật sự hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không thống nhất được với nhau trong làm ăn, tạo dựng cuộc sống và nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng cãi chửi, súc phạm, thiếu sự tôn trọng đến nhau và cả hai bên gia đình. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được gia đình và anh em khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Việc anh chị có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Anh T kiện ly hôn chị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân nữa là do không thống nhất được với nhau trong làm ăn, tạo dựng cuộc sống và nuôi dạy con chung dẫn đến vợ chồng cãi chửi, súc phạm, thiếu sự tôn trọng đến nhau và cả hai bên gia đình, sự việc mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được gia đình, anh em khuyên giải nhưng đều không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị P, chị P cũng đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hoà giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Như các đương sự đều trình bày điều đó đã thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị P.

[3] Về nuôi con; cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu T M V sinh ngày 11/10/2017 và cháu T Y N sinh ngày 28/02/2020, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Xét về việc giao con khi ly hôn thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, không bên nào yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Cả hai anh chị đều là lao động chính có thu nhập đảm bảo việc trực tiếp nuôi con khi ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T M V và chị P được trực tiếp nuôi cháu T Y N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con vẫn đảm bảo cho sự phát triển và ăn học của hai cháu phù hợp với quy định tại Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh T V T phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T V T được ly hôn với chị H T P.

2. Về nuôi con khi ly hôn xử: Giao cháu T M V sinh ngày 11/10/2017 cho anh T V T, giao cháu T Y N sinh ngày 28/02/2020 cho chị H T P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu V và cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn Tuấn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số: 0002864 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Anh T V T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã P N,
H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

